

Số: /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 67/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 129/TTr-SYT ngày 21 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai đối với Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm (sau đây gọi tắt là cơ sở thực phẩm), các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân cấp bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản khác có liên quan.

2. Đảm bảo nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý trực tiếp của một cơ quan quản lý nhà nước.

3. Đảm bảo tính khoa học, đầy đủ và khả thi trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

4. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý.

5. Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên do ngành Công Thương quản lý, trừ trường hợp là chợ đầu mối, đầu giá nông sản.

6. Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 4. Phân cấp cho Sở Y tế thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn sau

1. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại các bệnh viện tuyến tỉnh; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có quy mô kinh doanh từ 200 suất ăn trên một lần phục vụ trở lên.

3. Quản lý an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể của các tổ chức do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc có quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan chức năng cấp trung ương và cấp tỉnh cấp; bếp ăn tập thể trong các trường chuyên nghiệp, trường nội trú trên địa bàn tỉnh.

4. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc diện cấp giấy quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm đối với các vụ việc xảy ra tại các cơ sở thực phẩm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

7. Tổ chức kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống tại các lễ hội, hội chợ, các sự kiện văn hóa, chính trị, thể thao do cấp tỉnh, cấp trung ương tổ chức trên địa bàn.

Điều 5. Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn sau

1. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quản lý và xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đối với các cơ sở không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Phân cấp cho Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn sau

1. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã.

2. Quản lý an toàn thực phẩm đối với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối và các loại hình kinh doanh khác.

3. Quản lý và tiếp nhận bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các tổ chức kinh doanh bao gói sẵn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương hoặc kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên nhưng không thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

4. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của các tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Thực hiện việc kiểm tra phòng chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.

6. Chủ trì kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa là thực phẩm bao gói sẵn của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hội chợ.

Điều 7. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn sau

1. Quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã, hộ kinh doanh có quy mô kinh doanh dưới 200 suất ăn/một lần phục vụ; kinh doanh thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể của các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

2. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thực phẩm thuộc đối tượng cấp giấy quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Quản lý và xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đối với các cơ sở quy định tại khoản 3 Điều này mà không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

5. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn.

6. Quản lý an toàn thực phẩm tại các chợ hoạt động trên địa bàn.

7. Quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn.

8. Quản lý và tiếp nhận bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

9. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

10. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa phương trừ các vụ việc theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

11. Kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm tại các lễ hội, hội chợ, các sự kiện văn hóa, chính trị, thể thao do cấp xã tổ chức; các hoạt động quảng cáo thực phẩm trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp, trừ trường hợp cơ quan được phân cấp có đề nghị và tự bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

b) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp trong trường hợp không bảo đảm điều kiện theo quy định tại điểm a khoản này.

2. Trách nhiệm của Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

b) Định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất công tác đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực, phạm vi phụ trách về Sở Y tế tổng hợp, báo cáo cơ quan cấp trên;

c) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý; khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm;

d) Xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; xác minh, xử lý thông tin phản ánh tình trạng mất an toàn thực phẩm trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực và địa bàn quản lý;

đ) Tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý; đảm bảo thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý an toàn thực phẩm. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ động báo cáo, đề nghị hỗ trợ khi phát sinh các vấn đề phức tạp, vượt thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2025.
2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, gồm:
 - a) Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Yên Bái;
 - b) Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 10 Quyết định;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Huy Tuấn